TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2020
"Tranh chấp về cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Phúc

Ông Hồ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về "Tranh chấp về cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, thôn Đông Tân, xã Đông Hà, huyện Đ, tỉnh B. Nơi cư trú hiện nay: Số 8, xóm Hồ, đường Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Ngươi đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 2, thôn Đông Tân, xã Đông Hà, huyện Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn A, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 1, thôn Đông Tân, xã Đông Hà, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt ngươi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Vũ Thị L, anh Lê Văn A ly hôn theo Bản án số 18/2011/HNGĐ-ST, ngày 19/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Cũng tại Bản án chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Vũ Quang, sinh ngày 31/3/2010, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 500.00 đồng, kể từ tháng 8/2011. Sau khi ly hôn, chị L dẫn con Quang về tại xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội sinh sống. Do hiện nay cháu Quang đã lớn, chi phí học tập và sinh hoạt ngày càng nhiều, do đó chị L thấy mức cấp dưỡng 500.000 đồng /tháng không còn phù hợp nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh A phải tăng mức cấp dưỡng từ 500.000 đồng lên 2.000.000 đồng/tháng.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Anh Lê Văn A thống nhất như phần trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về vấn đề nuôi con cũng như cấp dưỡng tiền. Bản thân anh A hiện nay công việc chủ yếu là làm rẫy su, tuy nhiên diện tích không nhiều chỉ được 4000m^2, bình quân mỗi năm thu nhập khoảng 12.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí còn lại 8.000.000 đồng; thời gian còn lại anh đi làm thêm thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.400.000 đồng. Tổng thu nhập của các khoản mỗi tháng 5.000.000 đồng, sau khi trừ đi các chi phí ăn uống, sinh hoạt còn dư lại khoảng 1.000.000 đồng. Do đó, anh A chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng là 1000.000 đồng/tháng cho con Lê Vũ Quang, sinh ngày 31/3/2010.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Vũ Thị L đối với anh Lê Văn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Vũ Quang là có căn cứ. Tại phiên tòa xác định anh A hiện nay với thu nhập bình quân hàng tháng là 5.000.000 đồng chưa trừ các chi phí sinh hoạt. Còn chị L đưa ra mức yêu cầu mà anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao so với mức sống hiện nay của cháu Quang. Đồng thời, chị L cũng phải có nghĩa vụ. Do đó, xét mức cấp dưỡng trước đây 500.000 đồng/tháng so với nhu cầu hiện nay đối với cháu Quang là không phù hợp, nên buộc anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con Quang mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Văn A có nơi cư trú tại thôn Đông Tân, xã Đông Hà, huyện Đ, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi về mức cấp dưỡng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về cấp dưỡng" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên Tòa vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị L. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã ủy quyền cho chị Vũ Thị Ph là người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về áp dụng án lệ: Sau khi ra soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2] Nội dung vụ án:

Thấy rằng yêu cầu của chị Vũ Thị L đối với anh Lê Văn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Vũ Quang, sinh ngày 31/3/2010 là có căn cứ, bởi lẽ anh A không trực tiếp nuôi cháu Quang nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định được bản thân anh A hiện nay với nghề nghiệp làm nông, thu nhập bình quân hàng tháng của anh A là 5.000.000 đồng chưa trừ các chi phí sinh hoạt. Còn chị L đưa ra mức yêu cầu mà anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao so với mức sống thiết yếu cũng như nhu cầu hiện nay của cháu Quang. Đồng thời, bản thân chị L là người trực tiếp nuôi con cũng phải có nghĩa vụ. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L để buộc anh Lê Văn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Vũ Quang mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Lê Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo luật định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoảng 2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 01/2019//NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về thay đổi mức cấp dưỡng của nguyên đơn chị Vũ Thị L.

- Buộc anh Lê Văn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Vũ Quang, sinh ngày 31/3/2010 cho chị Vũ Thị L.

- Mức cấp dưỡng là: 1.500.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu từ tháng 4/2020;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Vũ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/3/2020).

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Qúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**